

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

Địa chỉ: Số 25 - Trương Định - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 04. 38632956

Fax: 04. 38631683

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

Địa chỉ: Số 25 - Trương Định - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 04. 38632956

Fax: 04. 38631683

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà cho giai đoạn hoạt động kết thúc ngày 30/06/2009.

Khái quát chung

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà là công ty Cổ phần (“Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty Bánh Kẹo Hải Hà theo Quyết định số 191/2003/QĐ-BCN ngày 14/11/2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003614 ngày 20/01/2004 và thay đổi lần thứ hai ngày 13/08/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Quyết định số 3295/QĐ-TCCB ngày 09/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển giao quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà cho Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam, ngày 20/12/2004, Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) chính thức bàn giao phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà cho Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 54.750.000.000 VND, được chia làm 5.475.000 cổ phần, giá trị mỗi cổ phần là 10.000 VND, trong đó, vốn Nhà nước là 27.922.500.000 VND (tương ứng với 2.792.250 cổ phần), chiếm 51%; vốn của các cổ đông khác trong và ngoài Công ty là 26.827.500.000 VND (tương ứng với 2.682.750 cổ phần), chiếm 49%.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 25 Trương Định - Quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh, Nhà máy phụ thuộc sau:

- Chi nhánh Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Đà Nẵng;
- Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà I;
- Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà II.

Chi nhánh Hồ Chí Minh, chi nhánh Đà Nẵng có tổ chức hạch toán kế toán, có lập Báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính của Chi nhánh Hồ Chí Minh và chi nhánh Đà Nẵng được tổng hợp vào Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ toàn Công ty. Các đơn vị trực thuộc khác đều được hạch toán tại văn phòng Công ty.

Mục tiêu và phạm vi kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bánh kẹo các loại.

Hoạt động của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003614 thay đổi lần thứ hai ngày 13/08/2007 gồm:

- Sản xuất và kinh doanh các loại bánh kẹo;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại vật tư sản xuất, máy móc thiết bị, sản phẩm chuyên ngành, hàng hóa tiêu dùng và các sản phẩm hàng hóa khác;
- Đầu tư xây dựng, cho thuê văn phòng, nhà ở, trung tâm thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

Địa chỉ: Số 25 - Trương Định - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 04. 38632956

Fax: 04. 38631683

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty đã điều hành Công ty trong suốt giai đoạn hoạt động và cho đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ là:

Hội đồng Quản trị

Ông Quách Đại Đắc	Chủ tịch
Ông Trần Hồng Thanh	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Ủy viên
Ông Nguyễn Hà Nam	Ủy viên
Bà Trần Thị Hoàng Mai	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Hồng Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Quách Đại Đắc	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Phó Tổng Giám đốc

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 30/06/2009 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tổng hợp cho giai đoạn hoạt động kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn hoạt động tại 30/06/2009 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính tổng hợp và kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cũng như lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho giai đoạn hoạt động kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho giai đoạn hoạt động kết thúc ngày 30/06/2009, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại thời điểm 30/06/2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

Địa chỉ: Số 25 - Trương Định - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 04. 38632956

Fax: 04. 38631683

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc (tiếp)

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào trong kỳ và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ theo các quy định hiện hành. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Trần Hồng Thanh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2009

Số: /2009/VAAC/BCKT-TC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/06/2009 của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà (gọi tắt là “Công ty”), Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của niên độ kế toán kết thúc ngày 30/06/2009 từ trang 06 đến trang 27 kèm theo. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được lập phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng tại mục III và các chính sách kế toán tại mục IV trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại các trang 02, 03 và 04, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính tổng hợp; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Vũ Thị Hương Giang
Phó Giám đốc
Số chứng chỉ KTV: 0388/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2009

Nguyễn Lệ Hà
Kiểm toán viên
Số chứng chỉ KTV: 0663/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

Địa chỉ: Số 25 - Trương Định - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 04. 38632956

Fax: 04. 38631683

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động

kết thúc ngày 30/06/2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2009

Mã số B01a-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	30/06/2009	01/01/2009
1		2	3	4	5
A-	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		101.522.780.142	126.805.846.336
I-	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	23.057.544.081	23.440.492.160
1.	Tiền	111		23.057.544.081	23.440.492.160
II-	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.525.083.647	25.060.413.994
1.	Phải thu khách hàng	131		13.392.591.758	24.366.215.582
2.	Trả trước cho người bán	132		5.875.885.031	198.450.011
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		124.398.383	272.534.709
4.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	132.208.475	223.213.692
III-	Hàng tồn kho	140	V.03	57.037.988.579	76.931.116.642
1.	Hàng tồn kho	141		57.037.988.579	76.931.116.642
IV-	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.902.163.835	1.373.823.540
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.507.858	-
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.04	635.513.441	543.177.099
3.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	1.254.142.536	830.646.441
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		71.103.780.142	78.483.362.320
I-	Tài sản cố định	220		67.279.655.337	74.447.895.001
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	67.034.757.210	74.289.097.628
	- Nguyên giá	222		187.161.319.872	186.479.517.334
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(120.126.562.662)	(112.190.419.706)
2.	Tài sản cố định vô hình	221	V.07	77.902.782	22.569.446
	- Nguyên giá	228		181.200.000	120.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(103.297.218)	(97.430.554)
3.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	166.995.345	136.227.927
II-	Tài sản dài hạn khác	260		3.824.124.805	4.035.467.319
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	3.492.020.582	3.731.500.720
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		332.104.223	303.966.599
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		172.626.560.284	205.289.208.656

Các Thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2009

Mẫu số B 01a-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2009	01/01/2009
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		60.689.049.322	97.359.762.315
I- Nợ ngắn hạn	310		58.611.379.192	71.662.891.725
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	4.771.576.000	12.872.756.286
2. Phải trả người bán	312		24.231.276.762	31.980.764.591
3. Người mua trả tiền trước	313		474.158.763	878.207.816
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	569.264.883	4.457.568.819
5. Phải trả người lao động	315		22.519.366.398	9.490.263.324
6. Chi phí phải trả	316	V.12	1.075.220.958	2.356.706.163
7. Phải trả nội bộ	317		7.102.148	10.400.000
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	4.963.413.280	9.616.224.726
II- Nợ dài hạn	330		2.077.670.130	25.696.870.590
1. Phải trả dài hạn khác	333		272.960.000	176.760.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	-	24.013.926.095
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.15	1.804.710.130	1.506.184.495
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		111.937.510.962	107.929.446.341
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.16	107.161.569.379	102.488.111.160
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		54.750.000.000	54.750.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.656.202.300	3.656.202.300
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		38.868.327.358	38.868.327.358
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		3.571.081.502	3.571.081.502
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.315.958.219	1.642.500.000
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		4.775.941.583	5.441.335.181
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		4.775.941.583	5.441.335.181
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		172.626.560.284	205.289.208.656

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	30/06/2009	01/01/2009
1. Ngoại tệ các loại	30.812,5	-
- Đô la Mỹ (USD)	30.812,5	-

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2009

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Kim Xuân

Trần Hồng Thanh

Các Thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

Địa chỉ: Số 25 - Trương Định - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 04. 38632956

Fax: 04. 38631683

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động

kết thúc ngày 30/06/2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn hoạt động kết thúc ngày 30/06/2009

Mẫu số B 02a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008
1		2	3	4	5
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17	208.869.733.825	190.033.314.982
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.18	1.074.214.275	2.050.405.830
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.19	207.795.519.550	187.982.909.152
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.20	177.728.665.345	159.993.722.612
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.066.854.205	27.989.186.540
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	791.923.180	459.307.071
7.	Chi phí tài chính	22	VI.22	1.883.840.734	1.244.558.652
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		807.804.114	1.237.037.462
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.23	11.396.703.411	10.677.235.105
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.24	10.288.456.267	9.875.253.568
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.289.776.973	6.651.446.286
11.	Thu nhập khác	31	VI.25	1.292.190.207	1.952.028.974
12.	Chi phí khác	32	VI.26	479.130.753	889.797.305
13.	Lợi nhuận khác	40		813.059.454	1.062.231.669
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.102.836.427	7.713.677.955
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.28	1.815.015.832	1.079.914.914
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.28	210.693.275	
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.077.127.320	6.633.763.041
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.110	1.212

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2009

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Kim Xuân

Trần Hồng Thanh

Các Thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

Địa chỉ: Số 25 - Trương Định - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 04. 38632956

Fax: 04. 38631683

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động

kết thúc ngày 30/06/2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn hoạt động kết thúc ngày 30/06/2009

Mẫu số B03a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		8.102.836.427	7.713.677.955
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2	V.07,08	8.044.208.606	9.300.311.604
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(810.833.089)	(473.587.276)
- Chi phí lãi vay	6	VI.22	807.804.114	1.237.037.462
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		16.144.016.058	17.777.439.745
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		5.019.497.910	(2.755.861.280)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		19.893.128.063	(6.601.584.980)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3.999.862.116)	(11.526.124.479)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		226.972.280	192.430.700
- Tiền lãi vay đã trả	13		(652.138.695)	(1.585.193.016)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.12	(3.188.447.387)	(3.007.419.740)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		103.200.000	3.031.010.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(768.593.598)	(3.891.592.688)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		32.777.772.515	(8.366.895.738)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(875.968.942)	(2.084.452.863)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		19.090.909	67.386.294
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(70.000.000.000)	(15.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		70.000.000.000	15.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		791.742.180	379.068.808
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(65.135.853)	(1.637.997.761)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.10,14	20.220.963.830	21.004.742.983
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.10,14	(52.506.691.071)	(18.165.978.722)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(809.857.500)	(3.621.712.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.095.584.741)	(782.948.239)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(382.948.079)	(10.787.841.738)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.01	23.440.492.160	25.992.087.833
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.01	23.057.544.081	15.204.246.095

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2009

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Kim Xuân

Trần Hồng Thanh

Các Thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU SỐ B09a-DN*(Các Thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***I. KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà là công ty Cổ phần (“Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty Bánh Kẹo Hải Hà theo Quyết định số 191/2003/QĐ-BCN ngày 14/11/2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003614 ngày 20/01/2004 và thay đổi lần thứ hai ngày 13/08/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Quyết định số 3295/QĐ-TCCB ngày 09/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển giao quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà cho Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam, ngày 20/12/2004, Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) chính thức bàn giao phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà cho Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 54.750.000.000 VND, được chia làm 5.475.000 cổ phần, giá trị mỗi cổ phần là 10.000 VND, trong đó, vốn Nhà nước là 27.922.500.000 VND (tương ứng với 2.792.250 cổ phần), chiếm 51%; vốn của các cổ đông khác trong và ngoài Công ty là 26.827.500.000 VND (tương ứng với 2.682.750 cổ phần), chiếm 49%.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 25 Trương Định - Quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh, Nhà máy phụ thuộc sau:

- Chi nhánh Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Đà Nẵng;
- Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà I;
- Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà II.

Chi nhánh Hồ Chí Minh, chi nhánh Đà Nẵng có tổ chức hạch toán kế toán, có lập Báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính của Chi nhánh Hồ Chí Minh và chi nhánh Đà Nẵng được tổng hợp vào Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ toàn Công ty. Các đơn vị trực thuộc khác đều được hạch toán tại văn phòng Công ty.

Mục tiêu và phạm vi kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bánh kẹo các loại.

Hoạt động của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003614 thay đổi lần thứ hai ngày 13/08/2007 gồm:

- Sản xuất và kinh doanh các loại bánh kẹo;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại vật tư sản xuất, máy móc thiết bị, sản phẩm chuyên ngành, hàng hóa tiêu dùng và các sản phẩm hàng hóa khác;
- Đầu tư xây dựng, cho thuê văn phòng, nhà ở, trung tâm thương mại.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**MẪU SỐ B09-DN***(Các Thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập theo hướng dẫn của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập và trình bày dựa trên 06 nguyên tắc: Hoạt động liên tục; Cơ sở dồn tích; Nhất quán; Trọng yếu và tập hợp; Bù trừ; Có thể so sánh.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo (Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ) được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán, thủ tục kế toán và các thông lệ báo cáo được chấp nhận rộng rãi tại Việt Nam. Vì vậy, việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp thông tin, thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam, hơn nữa, không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm 30/06/2009, bao gồm: Tiền mặt; tiền gửi ngân hàng.

3. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Trong kỳ, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Tại ngày kết thúc giai đoạn hoạt động, các tài sản dưới dạng tiền và công nợ bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày của Bảng Cân đối kế toán. Lãi (lỗ) chênh lệch tỷ giá phát sinh hoặc đánh giá trong các trường hợp này được phản ánh vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

Đối với các khoản có gốc ngoại tệ, Công ty đồng thời theo dõi nguyên tệ trên sổ kế toán chi tiết các tài khoản và tài khoản 007 “Ngoại tệ các loại”.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được trình bày theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**MẪU SỐ B09-DN***(Các Thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****4. Hàng tồn kho (tiếp)**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị nguyên liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm tồn kho, hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị của thành phẩm kém phẩm chất được xuất tái chế đang còn tồn tại các xí nghiệp sản xuất tại thời điểm 30/06/2009 và đầu đuôi trong quá trình sản xuất chưa được đưa vào tái chế lại.

Tập hợp chi phí và tính giá thành theo phương pháp giản đơn.

5. Tài sản cố định và khấu hao**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định được xác định theo giá gốc ngoại trừ một số tài sản đã được đánh giá lại khi cổ phần hoá.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm: Giá thực tế phải trả; lãi tiền vay đầu tư cho tài sản cố định; các chi phí vận chuyển, bốc dỡ; các chi phí sửa chữa, tân trang; chi phí lắp đặt, chạy thử, thuế và lệ phí trước bạ (nếu có)... liên quan trực tiếp đến tài sản trước khi đưa tài sản cố định vào sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định đầu tư xây dựng: Là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định tại Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan và lệ phí trước bạ (nếu có).

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính.

Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 07

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán, phần mềm kinh doanh và phần mềm quản lý nhân sự, đã được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

6. Các khoản chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thuê kho và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê trong vòng 45 năm.

Chi phí thuê kho trả trước cho năm 2009 được thanh toán trước trong năm 2008.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ xuất phục vụ sản xuất kinh doanh và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**MẪU SỐ B09-DN***(Các Thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****7. Các khoản chi phí đi vay**

Năm 2009, chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

8. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Chi phí phải trả phản ánh các chi phí hoạt động đã thực tế phát sinh nhưng chưa trả tiền đến 30/06/2009.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Công ty trích Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm với tỷ lệ là 03% tính trên tổng quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội năm 2009 theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính và hạch toán vào chi phí trong kỳ.

9. Nguồn vốn, quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm nguồn vốn góp của Nhà nước do Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam đứng ra làm đại diện (chiếm 51%), tương đương 27.922.500.000 VND và vốn góp của các cổ đông khác (chiếm 49%), tương đương 26.827.500.000 VND. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ sẽ được quyết định phân phối các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông vào thời điểm kết thúc năm tài chính 2009.

10. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Công ty xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: Doanh thu được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy, xác định trên cơ sở khi đảm bảo là Công ty nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch, cụ thể: Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; hóa đơn đã phát hành, người mua đã chấp nhận thanh toán, đồng thời, xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá, được ghi nhận cụ thể như sau:

- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Lãi chênh lệch tỷ giá: Phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ chênh lệch tỷ giá thực tế trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**MẪU SỐ B09-DN***(Các Thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****11. Ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí lãi vay và lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá. Được ghi nhận cụ thể như sau:

- Chi phí lãi vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian vay và lãi suất thực tế từng thời kỳ.
- Lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá: Phản ánh chi phí phát sinh từ chênh lệch tỷ giá thực tế trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ.

12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong kỳ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Do có nhiều cách diễn giải việc áp dụng và tuân thủ theo các quy định hiện hành về thuế và những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ, việc xác định sau cùng liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**▪ Dự phòng phải thu khó đòi**

Công ty hiện đang có những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ hai năm trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán.

▪ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị của các tài sản đang trong quá trình đầu tư để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí thực tế phát sinh, chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

▪ Thuế

Thuế suất thuế GTGT của hàng bán nội địa: 10%.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: 25% thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế và phí khác theo các quy định hiện hành.

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Năm 2009, Công ty xác định tài sản thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

Địa chỉ: Số 25 - Trương Định - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 04. 38632956

Fax: 04. 38631683

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động

kết thúc ngày 30/06/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**MẪU SỐ B09-DN**

(Các Thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Văn phòng Công ty	22.252.346.524	21.697.995.285
Tiền mặt	370.704.904	194.372.847
Tiền gửi ngân hàng	21.881.641.620	21.503.622.438
Ngân hàng Công thương Thanh Xuân	3.815.337.100	4.766.253.080
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt	11.190.189.769	6.135.595.329
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội	13.806.177	13.635.760
Ngân hàng Công thương Nam Việt Trì	9.458.098	682.085.841
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Nam Định	112.685.432	120.436.732
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Nam Hà Nội	3.512.809.060	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	3.227.355.984	9.785.615.696
Chi nhánh Hồ Chí Minh	257.342.298	893.646.962
Tiền mặt	76.522.746	323.651.550
Tiền gửi ngân hàng	180.819.552	569.995.412
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Chợ Lớn	179.197.102	566.294.213
Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Bình Tân	1.622.450	3.701.199
Chi nhánh Đà Nẵng	547.855.259	848.849.913
Tiền mặt	51.212.887	148.146.152
Tiền gửi ngân hàng	496.642.372	700.703.761
Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Đà Nẵng	445.121.360	7.611.074
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - chi nhánh Đà Nẵng	51.521.012	693.092.687
Cộng	23.057.544.081	23.440.492.160

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP) **MẪU SỐ B09-DN**
(Các Thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

2. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Văn phòng Công ty	127.137.525	223.213.692
Phải thu về cổ phần hóa	5.020.000	13.020.000
Phải thu kinh phí công đoàn	25.373.775	27.000.000
Phải thu bảo hiểm xã hội	-	160.482.526
Phải thu khác	96.743.750	22.711.166
Chi nhánh Hồ Chí Minh	5.000.000	-
Phải thu khác	5.000.000	-
Chi nhánh Đà Nẵng	70.950	-
Phải thu khác	70.950	-
Cộng	132.208.475	223.213.692

3. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Văn phòng Công ty	50.333.572.737	63.802.101.096
Hàng mua đang đi đường	-	931.761.348
Nguyên liệu, vật liệu	33.651.104.522	39.805.800.652
Công cụ, dụng cụ	286.460.176	254.754.342
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	157.180.932	62.347.588
Thành phẩm	16.238.827.107	22.747.437.166
Chi nhánh Hồ Chí Minh	4.141.827.029	6.830.858.250
Hàng hóa	4.141.827.029	6.830.858.250
Chi nhánh Đà Nẵng	3.891.005.703	6.298.157.296
Hàng hóa	3.891.005.703	6.298.157.296
Loại trừ lợi nhuận chưa thực hiện tại các Chi nhánh	(1.328.416.890)	
Giá trị thuần có thể thực hiện được	57.037.988.579	76.931.116.642

4. THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Văn phòng Công ty	609.727.470	27.132.547
Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	213.254.659
Chi nhánh Đà Nẵng	25.785.971	302.789.893
Cộng	635.513.441	543.177.099

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

Địa chỉ: Số 25 - Trương Định - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 04. 38632956

Fax: 04. 38631683

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động

kết thúc ngày 30/06/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**MẪU SỐ B09-DN**

(Các Thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)**5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Văn phòng Công ty	1.192.410.333	674.702.717
Tạm ứng	1.192.410.333	674.702.717
Chi nhánh Hồ Chí Minh	47.732.203	138.443.724
Tạm ứng	47.732.203	138.443.724
Chi nhánh Đà Nẵng	14.000.000	17.500.000
Tạm ứng	14.000.000	17.500.000
Cộng	1.254.142.536	830.646.441

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2009	29.100.474.657	148.463.648.538	8.242.837.041	672.557.098	186.479.517.334
Mua trong năm	-	30.864.500	190.500.294	-	221.364.794
XDCB hoàn thành	-	550.781.930	-	11.854.800	562.636.730
Thanh lý, nhượng bán	15.686.302	32.889.048	53.623.636	-	102.198.986
Số dư tại 30/06/2009	29.084.788.355	149.012.405.920	8.379.713.699	684.411.898	187.161.319.872
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2009	18.564.065.726	86.711.180.751	6.381.774.518	533.398.711	112.190.419.706
Khấu hao trong năm	833.443.953	6.796.155.818	367.653.992	41.088.179	8.038.341.942
Thanh lý, nhượng bán	15.686.302	32.889.048	53.623.636	-	102.198.986
Số dư tại 30/06/2009	19.381.823.377	93.474.447.521	6.695.804.874	574.486.890	120.126.562.662
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2009	10.536.408.931	61.752.467.787	1.861.062.523	139.158.387	74.289.097.628
Số dư tại 30/06/2009	9.702.964.978	55.537.958.399	1.683.908.825	109.925.008	67.034.757.210

30/06/2009 (VND)**Nguyên giá Giá trị còn lại**

TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

47.910.430.818

-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

Địa chỉ: Số 25 - Trương Định - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 04. 38632956

Fax: 04. 38631683

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động

kết thúc ngày 30/06/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**MẪU SỐ B09-DN**

(Các Thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2009	120.000.000	120.000.000
Mua trong kỳ	61.200.000	61.200.000
Số dư tại 30/06/2009	181.200.000	181.200.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
Số dư tại 01/01/2009	97.430.554	97.430.554
Khấu hao trong kỳ	5.866.664	5.866.664
Số dư tại 30/06/2009	103.297.218	103.297.218
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2009	22.569.446	22.569.446
Số dư tại 30/06/2009	77.902.782	77.902.782

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

Đơn vị tính: VND

	01/01/2009	Tăng trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	30/06/2009
Văn phòng Công ty				
Chi phí dây chuyền bánh mềm	136.227.927	30.767.418	-	166.995.345
Cộng	136.227.927	30.767.418	-	166.995.345

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Văn phòng Công ty	3.492.020.582	3.730.250.720
Chi phí trả trước về thuê đất tại KCN Tân Tạo	3.319.470.582	3.360.095.052
Chi phí thuê kho	140.400.000	140.400.000
Chi phí vật tư kỹ thuật	32.150.000	210.000.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	19.755.668
Chi nhánh Đà Nẵng	-	1.250.000
Chi phí khác	-	1.250.000
Cộng	3.492.020.582	3.731.500.720

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

Địa chỉ: Số 25 - Trương Định - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 04. 38632956

Fax: 04. 38631683

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động

kết thúc ngày 30/06/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**MẪU SỐ B09-DN**

(Các Thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)**10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Văn phòng Công ty		
Vay ngắn hạn	4.771.576.000	12.872.756.286
Ngân hàng Công thương Thanh Xuân	-	3.285.537.928
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt	-	2.400.505.358
Cán bộ công nhân viên (*)	4.771.576.000	7.186.713.000
Cộng	4.771.576.000	12.872.756.286

(*): Vay ngắn hạn thể hiện khoản huy động vốn từ cán bộ công nhân trong Công ty với thời hạn 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và 12 tháng với lãi suất 0,54%/tháng. Lãi suất cho mỗi lần rút vốn ngắn hạn sẽ được trả sau vào ngày cuối cùng của mỗi kỳ lãi hoặc lãi hàng tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	01/01/2009	Số tiền vay phát sinh	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả	Đơn vị tính: VND 30/06/2009
	1	2	3	4	5=1+2+3-4
Vay ngắn hạn	12.872.756.286	8.098.819.330	170.620.860	16.370.620.476	4.771.576.000
Ngân hàng Công thương Thanh Xuân	3.285.537.928	-	97.925.558	3.383.463.486	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt	2.400.505.358	-	72.695.302	2.473.200.660	-
Cán bộ công nhân viên (*)	7.186.713.000	8.098.819.330	-	10.513.956.330	4.771.576.000
Cộng	12.872.756.286	8.098.819.330	170.620.860	16.370.620.476	4.771.576.000

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	271.898.115	2.379.107.293
Thuế xuất, nhập khẩu	116.870.170	273.172.361
Thuế thu nhập doanh nghiệp	280.693.798	1.654.125.353
Thuế thu nhập cá nhân	70.523.840	148.963.852
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	(170.721.040)	2.199.960
Cộng	569.264.883	4.457.568.819

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

Địa chỉ: Số 25 - Trương Định - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 04. 38632956

Fax: 04. 38631683

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động

kết thúc ngày 30/06/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**MẪU SỐ B09-DN**

(Các Thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản thuế như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2009	Tăng trong kỳ	Số đã nộp	30/06/2009
Thuế giá trị gia tăng	2.379.107.293	11.389.915.034	13.497.124.212	271.898.115
Thuế xuất, nhập khẩu	273.172.361	1.549.882.888	1.706.185.079	116.870.170
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.654.125.353	1.815.015.832	3.188.447.387	280.693.798
Thuế thu nhập cá nhân	148.963.852	70.523.840	148.963.852	70.523.840
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.199.960	444.274.170	617.195.170	(170.721.040)
Cộng	4.457.568.819	15.275.611.764	19.163.915.700	569.264.883

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Văn phòng Công ty	756.799.291	1.774.294.141
Hỗ trợ chi phí bán hàng	-	524.910.828
Chi phí quảng cáo	345.518.630	
Sửa chữa tài sản cố định	216.659.142	184.740.790
Chi phí lãi vay	194.621.519	57.907.865
Trích trước chi phí vận chuyển kẹo	-	319.000.000
Trích trước chi phí vận chuyển vật tư	-	203.803.279
Chi phí kiểm toán	-	150.000.000
Chi phí điện	-	125.879.112
Chi phí khác	-	208.052.267
Chi nhánh Hồ Chí Minh	318.421.667	544.127.063
Hỗ trợ chi phí bán hàng	318.421.667	544.127.063
Chi nhánh Đà Nẵng	-	38.284.959
Chi phí khác	-	38.284.959
Cộng	1.075.220.958	2.356.706.163

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

Địa chỉ: Số 25 - Trương Định - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 04. 38632956

Fax: 04. 38631683

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động

kết thúc ngày 30/06/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**MẪU SỐ B09-DN**

(Các Thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Văn phòng Công ty	4.948.872.122	9.600.832.883
Cổ tức phải trả	4.197.301.250	3.358.608.750
Kinh phí công đoàn	260.595.581	-
Bảo hiểm y tế	16.837.274	-
Phải trả về cổ phần hóa	207.270.000	207.270.000
Vay mượn vật tư	158.612.968	1.008.111.733
Kinh phí công đoàn	90.013.465	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.241.584	5.026.842.400
Chi nhánh Đà Nẵng	-	5.988.372
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	5.988.372
Chi nhánh Hồ Chí Minh	14.541.158	9.403.471
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.541.158	9.403.471
Cộng	4.963.413.280	9.616.224.726

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Văn phòng Công ty		
Vay dài hạn	-	24.013.926.095
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội</i>	-	24.013.926.095
Cộng	-	24.013.926.095

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	01/01/2009	Số tiền vay	Số tiền vay	Đơn vị tính: VND	30/06/2009
		phát sinh	đã trả	Số kết chuyển	
	1	2	4	5	6=1+2-3-4-5
Vay dài hạn	24.013.926.095	12.122.144.500	36.136.070.595	-	-
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội</i>	24.013.926.095	12.122.144.500	36.136.070.595	-	-
Cộng	24.013.926.095	12.122.144.500	36.136.070.595	-	-

15. DỰ PHÒNG TRỢ CẤP MẤT VIỆC LÀM

	Từ 01/01/2009	Năm 2008
	đến 30/06/2009	2008
	VND	VND
Số đầu kỳ	1.506.184.495	1.075.576.318
Trích lập trong kỳ	298.525.635	430.608.177
Số cuối kỳ	1.804.710.130	1.506.184.495

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

Địa chỉ: Số 25 - Trương Định - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 04. 38632956

Fax: 04. 38631683

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động

kết thúc ngày 30/06/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**MẪU SỐ B09-DN**

(Các Thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU****BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

A	Đơn vị tính: VND					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	54.750.000.000	3.656.202.300	31.317.718.248	2.621.218.992	7.391.250.000	99.736.389.540
Tăng trong năm trước	-	-	7.550.609.110	949.862.510	18.992.641.620	27.493.113.240
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	24.741.391.620	24.741.391.620
Số dư cuối năm trước	54.750.000.000	3.656.202.300	38.868.327.358	3.571.081.502	1.642.500.000	102.488.111.160
Số dư đầu năm nay	54.750.000.000	3.656.202.300	38.868.327.358	3.571.081.502	1.642.500.000	102.488.111.160
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	6.077.127.320	6.077.127.320
Điều chỉnh tăng trong kỳ	-	-	-	-	238.830.899	238.830.899
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	1.642.500.000	1.642.500.000
Số dư cuối kỳ	54.750.000.000	3.656.202.300	38.868.327.358	3.571.081.502	6.315.958.219	107.161.569.379

LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Văn phòng Công ty	
Tại 01/01	3.807.701.977
Lợi nhuận trong năm	5.219.251.783
Tại 30/06	9.026.953.760
Chi nhánh Hồ Chí Minh	
Tại 01/01	1.307.713
Lợi nhuận trong năm	(59.258.216)
Tại 30/06	(57.950.503)
Chi nhánh Đà Nẵng	
Tại 01/01	4.680.299
Lợi nhuận trong năm	74.360.654
Tại 30/06	79.040.953
Điều chỉnh tài sản thuế thu nhập hoãn lại	238.830.899
Điều chỉnh giảm trừ lợi nhuận chưa thực hiện đối với giao dịch nội bộ	
Tại 01/01	(2.171.189.989)
Tại 30/06	(1.328.416.890)
Chia cổ tức trong kỳ	(1.642.500.000)
Cộng	6.315.958.219

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP) **MẪU SỐ B09-DN**
(Các Thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
Văn phòng Công ty	154.087.020.450	132.555.169.868
Doanh thu bán hàng	153.643.635.492	132.143.238.701
Doanh thu cung cấp dịch vụ	443.384.958	411.931.167
Chi nhánh Hồ Chí Minh	28.294.580.093	31.059.105.726
Doanh thu bán hàng	28.294.580.093	31.059.105.726
Chi nhánh Đà Nẵng	26.488.133.282	26.419.039.388
Doanh thu bán hàng	26.488.133.282	26.419.039.388
Cộng	208.869.733.825	190.033.314.982

18. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
Văn phòng Công ty	466.373.154	1.199.580.405
Hàng bán bị trả lại	463.433.154	1.199.580.405
Chiết khấu thương mại	2.940.000	-
Chi nhánh Hồ Chí Minh	360.661.450	530.913.905
Hàng bán bị trả lại	360.661.450	530.913.905
Chi nhánh Đà Nẵng	247.179.671	319.911.520
Hàng bán bị trả lại	247.179.671	319.911.520
Cộng	1.074.214.275	2.050.405.830

19. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
Văn phòng Công ty	153.620.647.296	131.355.589.463
Doanh thu bán hàng	153.180.202.338	130.943.658.296
Doanh thu cung cấp dịch vụ	440.444.958	411.931.167
Chi nhánh Hồ Chí Minh	27.933.918.643	30.528.191.821
Doanh thu bán hàng	27.933.918.643	30.528.191.821
Chi nhánh Đà Nẵng	26.240.953.611	26.099.127.868
Doanh thu bán hàng	26.240.953.611	26.099.127.868
Cộng	207.795.519.550	187.982.909.152

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP) **MẪU SỐ B09-DN**
(Các Thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP (TIẾP)

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
Văn phòng Công ty	126.589.178.241	106.853.248.319
Giá vốn hàng bán	126.589.178.241	106.853.248.319
Chi nhánh Hồ Chí Minh	25.810.074.368	28.098.755.926
Giá vốn hàng bán	25.810.074.368	28.098.755.926
Chi nhánh Đà Nẵng	25.329.412.736	25.041.718.367
Giá vốn hàng bán	25.329.412.736	25.041.718.367
Cộng	177.728.665.345	159.993.722.612

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
Văn phòng Công ty	779.562.593	439.894.615
Lãi tiền gửi	779.521.964	366.376.852
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	40.629	73.517.763
Chi nhánh Hồ Chí Minh	7.450.008	10.486.173
Lãi tiền gửi	7.450.008	10.486.173
Chi nhánh Đà Nẵng	4.910.579	8.926.283
Lãi tiền gửi	4.910.579	8.926.283
Cộng	791.923.180	459.307.071

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
Văn phòng Công ty	1.883.840.734	1.244.558.652
Lãi tiền vay ngân hàng	807.804.114	1.237.037.462
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.076.036.620	-
Khác		7.521.190
Cộng	1.883.840.734	1.244.558.652

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

Địa chỉ: Số 25 - Trương Định - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 04. 38632956

Fax: 04. 38631683

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động

kết thúc ngày 30/06/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**MẪU SỐ B09-DN**

(Các Thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP (TIẾP)**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
Văn phòng Công ty	9.041.611.302	8.173.860.493
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	568.978.465	340.930.903
Chi phí nhân công	534.060.978	240.491.044
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.080.626.803	654.344.223
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.840.055.812	274.528.571
Chi phí khác bằng tiền	3.017.889.244	6.663.565.752
Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.695.942.168	1.717.638.072
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	124.013.685	163.102.563
Chi phí nhân công	535.715.808	474.038.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	126.772.723	699.079.350
Chi phí khác bằng tiền	909.439.952	381.418.069
Chi nhánh Đà Nẵng	659.149.941	785.736.540
Chi phí nhân công	95.266.956	344.244.898
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.531.625	158.666.240
Chi phí khác bằng tiền	492.351.360	282.825.402
Cộng	11.396.703.411	10.677.235.105

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
Văn phòng Công ty	9.615.939.224	9.418.984.882
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	154.969.803	5.864.439.404
Chi phí nhân viên quản lý	6.304.521.490	179.197.704
Chi phí khấu hao tài sản cố định	578.665.542	176.965.932
Thuế, phí và lệ phí	464.655.407	122.174.500
Chi phí khác bằng tiền	2.113.126.982	3.076.207.342
Chi nhánh Hồ Chí Minh	514.363.069	273.743.156
Chi phí nhân viên quản lý	189.785.680	127.526.749
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.485.300	7.364.760
Chi phí khác bằng tiền	310.092.089	138.851.647
Chi nhánh Đà Nẵng	158.153.974	182.525.530
Chi phí nhân viên quản lý	41.366.781	119.046.692
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.111.064	1.703.688
Chi phí khác bằng tiền	111.676.129	61.775.150
Cộng	10.288.456.267	9.875.253.568

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP) **MẪU SỐ B09-DN**
(Các Thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP (TIẾP)

25. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
Văn phòng Công ty	1.292.190.207	1.952.028.974
Thu từ bán vật tư, phế liệu	1.109.400.651	1.752.022.926
Thu nhập khác	182.789.556	200.006.048
Cộng	1.292.190.207	1.952.028.974

26. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
Văn phòng Công ty	479.130.753	889.797.305
Chi phí vật tư, phế liệu	364.584.828	886.396.114
Chi phí khác	114.545.925	3.401.191
Cộng	479.130.753	889.797.305

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	132.762.455.257	134.375.331.955
Chi phí nhân công	31.910.451.328	23.999.949.704
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.201.435.507	9.295.544.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.645.729.955	7.713.830.391
Chi phí khác bằng tiền	11.869.041.290	7.749.399.821
Cộng	185.389.113.337	183.134.056.715

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

Địa chỉ: Số 25 - Trương Định - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 04. 38632956

Fax: 04. 38631683

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động

kết thúc ngày 30/06/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**MẪU SỐ B09-DN**

(Các Thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH VÀ HOẢN LẠI

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
Tổng lợi nhuận kế toán	8.102.836.427	7.713.677.955
Thuế suất thuế TNDN	25%	14%
Chi phí thuế TNDN	2.025.709.107	1.079.914.914
Cộng	2.025.709.107	1.079.914.914

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Công ty trích Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm với tỷ lệ là 03% tính trên tổng quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội trong 6 tháng đầu năm 2009 theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính và hạch toán vào chi phí trong kỳ. Bộ luật Lao động Việt Nam quy định, Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc trong trường hợp người lao động không tiếp tục làm việc cho Công ty. Theo đó, việc trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm như hiện nay làm Công ty không có đủ số dự phòng phải trả cho người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động Việt Nam. Nợ tiềm tàng phải trả cho người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động Việt Nam lũy kế đến 30/06/2009 chưa được phản ánh trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động kết thúc ngày 30/06/2009.

2. THÔNG TIN SO SÁNH

Công ty chưa thực hiện soát xét số liệu Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2008. Số liệu so sánh với số liệu của Báo cáo tài chính được soát xét cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2009 là số liệu báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2008 chưa được soát xét.

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2009

Kế toán trưởng**Tổng Giám đốc****Đỗ Thị Kim Xuân****Trần Hồng Thanh**